

Số: /TM-BG

Tuy Hòa, ngày tháng 7 năm 2023

THƯ MỜI

V/v Cung cấp báo giá các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa phòng tháng 06 tháng tiếp theo.

Kính gửi:

Bệnh viện Sản Nhi có nhu cầu thực hiện việc in ấn các biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn của các khoa, phòng 06 tháng tiếp theo, với danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật các biểu mẫu như sau:

STT	Nội dung biểu mẫu	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
01	Bảng kiểm tra an toàn phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.600
02	Bảng kiểm tra trước tiêm chủng	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.000
03	Bảng kê vật tư tiêu hao phòng mổ	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.700
04	Bệnh án nhi khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	8.000
05	Bệnh án sơ sinh	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	700
06	Bệnh án sản khoa	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.300
07	Bệnh án ngoại	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	200
08	Bì đựng phim 24x33(cm)	Kích thước:26x32(cm) Trọng lượng: $\geq 10\text{g}$	Bì	4.200
09	Bì đựng phim 35x35(cm)	35x35(cm) Trọng lượng: $\geq 18\text{g}$	Bì	1.700
10	Bìa bệnh án	Giấy bìa Couche, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy $\geq 150\text{gsm}$; màu vàng bóng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	400

11	Bìa bệnh án	Giấy bìa Couche, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy ≥ 150 gsm; màu trắng bóng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	2.900
12	Bìa bệnh án	Giấy bìa Couche, khổ (32 x 47) cm; định lượng giấy ≥ 150 gsm; màu xanh bóng; có gáy dán bệnh án (30 x 3.5) cm; số lượng gáy ≥ 10 tờ	Tờ	7.130
13	Biểu đồ chuyên dạ	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	800
14	Phiếu chăm sóc	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	22.700
15	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	12.200
16	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú (<i>khóa CSTP & đễ</i>)	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.600
17	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (dùng cho NB >18T không mang thai)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	300
18	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (áp dụng cho PN thời kỳ hậu sản)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	1.500
19	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng (dùng cho trẻ em nằm viện)	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	6.300
20	Phiếu điện tim	Khổ giấy A3; in 02 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	300
21	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.300
22	Phiếu khai thông tin sản phụ	Khổ giấy A5; in 01 mặt; định lượng giấy ≥ 60 gsm; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.700
23	Phiếu khám chữa	Khổ giấy A5; in 01 mặt; định	Tờ	700

	bệnh yêu cầu	lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90		
24	Phiếu khử khuẩn	Kích thước: (5 x 8)cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	6.000
25	Phiếu tiệt khuẩn	Kích thước: (5 x 8)cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	3.000
26	Phiếu truyền máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	700
27	Phiếu theo dõi chức năng sống	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	11.200
28	Phiếu theo dõi truyền dịch	Khổ giấy A4; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	7.300
29	Phân loại nhóm máu	Giấy bìa Couche, khổ (10 x 16) cm; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 150\text{gsm}$; màu trắng bóng	Tờ	6.000
30	Phiếu gây mê hồi sức	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	2.600
31	Phiếu XN giải phẫu bệnh sinh thiết	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	450
32	Giấy cam đoan chấp nhận PT, TT và GMHS	Khổ giấy A5; in 01 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	4.100
33	Tờ điều trị	Khổ giấy A4; in 02 mặt; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	20.200
34	Nẹp Mổ đẻ	Giấy bìa Bristol; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; trọng lượng: $\geq 5\text{g}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	100
35	Nẹp Hô hấp	Giấy bìa Bristol; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; trọng lượng: $\geq 5\text{g}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	100
36	Nẹp Táp bệnh	Giấy bìa Bristol; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; trọng lượng: $\geq 5\text{g}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	100
37	Nẹp Sinh thường	Giấy bìa Bristol; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; trọng lượng: $\geq 5\text{g}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	100
38	Nẹp Sản bệnh lý	Giấy bìa Bristol; khổ giấy: (7 x 23) cm; in 01 mặt; trọng lượng: $\geq 5\text{g}$; độ trắng giấy ≥ 90	Tờ	100
39	Phiếu cháo	Khổ giấy: (6 x 21) cm; in 01 mặt;	Quyển	10

		quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; Bắt đầu từ Quyển 37, số seri 00036001; có đường cân rãnh cưa ở giữa		
40	Phiếu com	Khổ giấy: (6 x 21) cm; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; Bắt đầu từ Quyển 97, số seri 00096001; có đường cân rãnh cưa ở giữa	Quyển	10
41	Sổ bàn giao NB vào khoa	Khổ giấy A5; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	9
42	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	20
43	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	5
44	Sổ biên bản hội chẩn	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	2
45	Sổ công văn đến	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	1
46	Sổ công văn đi	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	1
47	Sổ đơn thuốc	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; có đường cân rãnh cưa ở giữa	Quyển	80
48	Sổ đơn xin nghỉ phép	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; có đường cân rãnh cưa ở giữa	Quyển	3
49	Sổ họp giao ban	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	26
50	Sổ thường trực	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90	Quyển	22
51	Sổ yêu cầu sửa chữa VTTB	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy $\geq 60\text{gsm}$; độ trắng giấy ≥ 90 ; có đường cân rãnh cưa ở giữa	Quyển	5
52	Sổ yêu cầu sửa	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển	Quyển	6

	chữa (Hành chính)	100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90; có đường cán răng cưa ở giữa		
53	Sổ phẫu thuật	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	2
54	Sổ kết quả sinh hóa	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	4
55	Sổ kiểm tra	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	5
56	Sổ thực hiện thuốc hàng ngày	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	3
57	Sổ lệnh điều xe	Khổ giấy A4; in 02 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90	Quyển	2
58	Sổ lĩnh thuốc gây nghiện, hương tâm thần, tiền chất	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90; có đường cán răng cưa ở giữa	Quyển	16
59	Phiếu cung cấp máu và thành phần máu	Khổ giấy A4; in 01 mặt; quyển 100 tờ + bìa; định lượng giấy \geq 60gsm; độ trắng giấy \geq 90; có đường cán răng cưa ở giữa	Quyển	7

Bệnh viện Sản Nhi đề nghị quý công ty báo giá theo danh mục, quy cách, đặc tính kỹ thuật, số lượng các biểu mẫu nêu trên.

*** Thời gian, địa điểm nộp chào giá:**

- Thời gian nộp bảng chào giá: Đến hết ngày 19/7/2023.
- Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, phường 6, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: 0257. 383 5109

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Đăng trang TTĐT Sở Y tế;
- Đăng trang TTĐT BV Sản Nhi;
- Ban GD Bệnh viện;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Hòa